

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số:12/2021/HS-ST
Ngày:10/3/2021.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Q.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công H, ông Đinh Duy Q.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn H - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N tiến hành mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 04/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST- HS ngày 24 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Đức T sinh ngày 21/3/2002 tại xã G, huyện G, tỉnh N, tên gọi khác: Không.

Nơi cư trú: Xóm 1, xã G, huyện G, tỉnh N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do, trình độ văn hóa: 8/12, bố đẻ; Không xác định, con bà Trần Thị H, chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/8/2020 tại trại tạm giam Công an tỉnh N. Có mặt.

Bị hại:

1. Ông Trần Trọng N, sinh năm 1946.

Trú tại: Tổ 3, khu 6, phường G, thành phố H, tỉnh Q. Vắng mặt – Vắng mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

1. Anh Trần Thanh T, sinh năm 1997. Vắng mặt.

Trú tại: Xóm 1, xã G, huyện G, tỉnh N.

2. Anh Bùi Thanh T, sinh năm 1996. Vắng mặt.

Trú tại: Xóm 1, xã G, huyện G, tỉnh N.

3. Anh Đinh Quang T, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Trú tại: Xóm 1, xã G, huyện G, tỉnh N.

Người làm chứng: Ông Phạm Hùng M - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đức T, sinh ngày 21/3/2002, trú tại xóm 1, xã G, huyện G, tỉnh N là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định. Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 22/08/2020 Trần Đức T đi chơi về thì thấy ông Trần Trọng N, sinh năm 1946, hộ khẩu thường trú tại tổ 3, Khu 6, phường G, thành phố H, tỉnh Q (là cụ họ của T) đang ngồi tại bàn uống nước ở sân nhà giám sát thợ xây dựng nhà thờ họ. Do biết ông N là người có điều kiện lại đang có tiền mặt dùng để chi phí xây dựng nhà thờ họ nên T đã nảy sinh ý định vào phòng ngủ của ông N trộm cắp T sản để tiêu xài cá nhân (do nhà ông Trần Trọng N và nhà Trần Đức T có chung sân). Sau đó, T đi bộ vào gian nhà kho phía sau nhà của gia đình và trèo qua tường bao tiếp giáp với nhà ông N đi qua cửa ngách hành lang vào trong nhà và mở cửa phòng ngủ của ông N (phòng ngủ không khóa cửa) đi đến tủ gỗ trong phòng thấy tại cánh tủ bên phải (theo hướng đứng của T đối diện với tủ) có cắm sẵn chìa khóa ở ổ khóa, T mở cánh cửa ngăn tủ lấy ra 01 chùm chìa khóa, T dùng chùm chìa khóa này mở cánh cửa tủ bên trái ra thì thấy bên trong tủ có 01 túi xách giả da màu nâu, T lấy và mở khóa ngăn túi xách ra thấy trong túi xách có nhiều tập tiền mệnh giá 500.000 đồng, T lấy 01 cọc tiền gồm 100 tờ, toàn tiền polime loại 500.000 đồng, tổng là 50.000.000 (Năm mươi triệu đồng) bỏ vào trong túi quần phía trước bên phải, sau đó kéo khóa túi xách lại và để vào vị trí cũ, đóng khóa cửa cánh tủ và rút chìa khóa để lại vị trí như ban đầu rồi đi ra ngoài theo lối vào. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, T đến nhà Phạm Thành Đạt, sinh năm 2000, trú tại xóm 3, xã G, huyện G, tỉnh N để trả tiền cho Đạt, do Đạt không có nhà nên T đến gặp và đưa cho ông Phạm Hùng M, sinh năm 1970 (là bố đẻ của Đạt) nhờ ông M đưa giúp cho Đạt số tiền 9.000.000 đồng để trả cho Đạt và đi về nhà. Ngày 23/8/2020, T đến cửa hàng điện thoại di động Tráng Biên địa chỉ tại Phố Thống Nhất, thị trấn M, huyện G, tỉnh N mua 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh; 01 chiếc sim số thuê bao 0333.865.411 và ốp điện thoại tổng trị giá 26.800.000 đồng để sử dụng. T tiếp tục sử dụng số tiền 4.000.000 đồng trả cho anh Đinh Quang T, sinh năm 1993, trú tại xóm 1, xã G, huyện G, tỉnh N đồng thời đưa cho anh T số tiền 1.000.000 đồng nhờ anh T trả cho anh Trần Thanh T, sinh năm 1997, trú tại xóm 1, xã G, huyện G, tỉnh N. Sáng ngày 24/8/2020 T sử dụng số tiền 2.800.000 đồng để mua 01 lọ nước hoa nhãn hiệu Blue Chanel tại một cửa hàng ở thành phố N. Ngày 25/8/2020, T mua quần áo tại cửa hàng ở thị trấn Me, huyện G với giá 1.100.000 đồng. Ngày 26/8/2020, T trả 1.000.000 đồng nợ cho anh Bùi Thanh T, sinh năm 1996, trú tại xóm 1, xã G, huyện G, tỉnh N. Số tiền còn lại T sử dụng chi tiêu cá nhân đến ngày 28/8/2020 còn lại 1.000.000 đồng, T cất giữ trong người.

Tại cơ quan CSĐT Công an huyện G, Trần Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp như đã nêu trên và tự nguyện giao nộp lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11Pro max 64gb màu xanh đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 sim số thuê bao 0333.865.411; 01 ốp điện thoại bằng nhựa có viền màu xanh, nền trong suốt, các nút bấm màu xanh; 01 vỏ hộp điện thoại màu đen, bên ngoài in chữ iPhone; 01 chiếc tai nghe màu trắng; 01 vỏ và lọ nước hoa nhãn hiệu “BLEU DE CHANEL

PARIS” đã qua sử dụng; 01 chiếc áo phông cộc tay màu trắng; 01 chiếc quần dài màu đen và số tiền 1.000.000 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G còn thu giữ số tiền 1.000.000 đồng của anh Trần Thanh T và số tiền 1.000.000 đồng của anh Bùi Thanh T giao nộp.

Viện kiểm sát nhân dân huyện G ra quyết định chuyển 01 vỏ và lọ nước hoa nhãn hiệu “BLEU DE CHANEL PARIS” đã qua sử dụng; 01 chiếc áo phông cộc tay màu trắng, 01 chiếc quần dài màu đen đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện G để xử lý theo quy định của pháp luật.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại số tiền 3.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11ProMax, màu xanh, bên trong lắp 01 sim số thuê bao 0333865411; 01 ốp điện thoại bằng nhựa có viền màu xanh, nền trong suốt, các nút bấm màu xanh; 01 vỏ hộp điện thoại màu đen, bên ngoài in chữ iPhone; 01 chiếc tai nghe màu trắng cho ông Trần Trọng N.

Quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận hành vi như đã nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 09/CT- VKS-GV, ngày 25/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Trần Đức T ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội “Trộm cắp T sản”, áp dụng Điều 173 khoản 2 điểm c, khoản 5 Bộ luật Hình sự(BLHS).

Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến khiếu nại gì về Bản cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như Bản cáo trạng đã nêu, sau khi luận tội đã đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Trần Đức T phạm tội “Trộm cắp T sản”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm i khoản 1 Điều 52, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 47 BLHS, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS): Xử phạt Trần Đức T từ 24 (Hai bốn) tháng tù đến 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 30/8/2020; không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo; Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ và lọ nước hoa nhãn hiệu “BLEU DE CHANEL PARIS” đã qua sử dụng; 01 chiếc áo phông cộc tay màu trắng, 01 chiếc quần dài màu đen.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận gì, được nói lời sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1]Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự(BLTTHS). Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan

tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Phân tích những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên tòa bị cáo hoàn toàn nhận tội. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, với lời khai bị hại, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ khác thể hiện rõ: Khoảng 14 giờ ngày 22/8/2020, tại gia đình ông Trần Trọng N ở xóm 1, xã G, huyện G, tỉnh N, Trần Đức T đã có hành vi đột nhập vào phòng ngủ và lén lút chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng của ông Trần Trọng N đúng như Bản cáo trạng đã mô tả nêu trên, nên hành vi của bị cáo Trần Đức T đã phạm tội “Trộm cắp T sản”. Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả, nhân thân của bị cáo và trị giá T sản bị chiếm đoạt, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo T theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp T sản.

1. Người nào trộm cắp T sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt T sản mà còn vi phạm;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt T sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu T sản của công dân được pháp luật bảo vệ.

[4] Bị cáo là người đã thành niên, không chịu rèn luyện, tu chí làm ăn chân chính, mong muốn kiếm tiền bất chính dẫn đến phạm tội. Hành vi của bị cáo gây tâm lý hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu tới tình hình trị an của địa phương.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với người trên 70 tuổi nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo là người có nhân thân tốt.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại và bị hại cũng đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đó là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS. Trên cơ sở các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét bị cáo chiếm đoạt số

tiền khá lớn nên cần có một hình phạt thật nghiêm minh đối với bị cáo bằng việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội đồng thời góp phần răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là thỏa đáng.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Trần Trọng N đã nhận lại số tiền mặt là 3.000.000đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11ProMax, màu xanh, bên trong lắp 01 sim số thuê bao 0333865411; 01 ốp điện thoại bằng nhựa có viền màu xanh, nền trong suốt, các nút bấm màu xanh; 01 vỏ hộp điện thoại màu đen, bên ngoài in chữ iPhone; 01 chiếc tai nghe màu trắng. Ông N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Do đó phần trách nhiệm dân sự này không đặt ra giải quyết.

Đối với số tiền 9.000.000 đồng Trần Đức T trả nợ cho anh Phạm Thành Đạt và 4.000.000 đồng trả nợ cho anh Đinh Quang T. Quá trình điều tra xác định là anh Đạt và anh T không biết số tiền trên là do T trộm cắp mà có. Anh Đạt và anh T đã tiêu hết nên không thu hồi được. Đồng thời ông N cũng đã không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường gì thêm nên không buộc các anh Đạt và T phải chịu phần trách nhiệm dân sự này. Đối với số tiền 1.000.000 đồng của anh Trần Thanh T và số tiền 1.000.000 đồng của anh Bùi Thanh T giao nộp. Quá trình điều tra xác định đây đều là tiền do Trần Đức T trộm cắp của ông Trần Trọng N nhưng các anh Trần Thanh T, Bùi Thanh T không biết số tiền trên là do T trộm cắp mà có. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại cho ông Trần Trọng N. Các anh Trần Thanh T và Bùi Thanh T đều không yêu cầu Trần Đức T phải trả lại số tiền trên. Do đó phần trách nhiệm dân sự này không đặt ra giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 vỏ và lọ nước hoa nhãn hiệu “BLEU DE CHANEL PARIS” đã qua sử dụng; 01 chiếc áo phông cộc tay màu trắng, 01 chiếc quần dài màu đen. Quá trình điều tra xác định Trần Đức T đã sử dụng số tiền trộm cắp để mua, sử dụng. Tuy nhiên bản thân ông N không yêu cầu nhận lại và T sản có giá trị sử dụng không đáng kể, Vì vậy cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm i khoản 1 Điều 52, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51. Tuyên bố bị cáo Trần Đức T phạm tội: “Trộm cắp T sản”. Xử phạt Trần Đức T 24 (Hai bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 30/8/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS

Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ và lọ nước hoa nhãn hiệu “BLEU DE CHANEL PARIS” đã qua sử dụng; 01 chiếc áo phông cộc tay màu trắng, 01 chiếc quần dài

màu đen. (Đặc điểm chi tiết như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G với Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, ngày 26/01/2021).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Trần Đức T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- Công an huyện GV;
- Chi cục THADS huyện GV;
- VKSND huyện GV;
- Bị cáo; người tham gia TT khác;
- Lưu HS, VP.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HỮU Q